

Bản án số: 33/2020/HS-ST

Ngày 29/ 4/ 2020

**NHÂN DANH**

**NHÀ QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Kim.

Ông Hoàng Văn Tấn.

***-Th- ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 20/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 16/4/2020 đối với bị cáo:

**Hoàng Văn Hùng**, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Văn A, sinh năm 1975; con bà: Lưu Thị H (đã chết); vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2020 đến nay. Được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

***-Bị hại:*** 1- Anh Trương Văn T, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

***-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1- Bà Giáp Thị T, sinh năm 1948. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2- Anh Giáp Văn H, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/11/2019 đến 21/12/2019, Hoàng Văn H- sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật để mượn xe mô tô của người khác sau đó mang đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Ngày 30/11/2019, H đến làm thợ xây tại công trình xây dựng của gia đình ông Nguyễn Minh C- sinh năm 1975 ở thôn M 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Cùng làm với H có anh Trương Văn T- sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình làm việc cùng nhau, H biết anh T có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh- đen- bạc, biển kiểm soát 98E1- 210.83 nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe này đem đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi H và anh T đang nghỉ trưa tại khu vực dành cho thợ xây của công trình xây dựng, H đặt vấn đề với anh T cho H mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 210.83 và nói dối anh T là để H đi sửa chữa quần áo. Tin tưởng H nói thật nên anh T đã giao chìa khóa cùng chiếc mô tô biển kiểm soát 98E1- 210.83 cho H mượn. Ngay sau khi được anh T giao xe cho mượn, H điều khiển chiếc xe mô tô này đến thẳng nhà bà Giáp Thị T- sinh năm 1948 ở thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, đặt vấn đề vay của bà T số tiền 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 210.83 cho bà T để làm tin. Do H nói dối bà T chiếc xe mô tô nêu trên là của H nên bà T đưa cho H vay số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và nhận giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 210.83 để làm tin. Đến ngày 03/12/2019, H tiếp tục đến nhà bà T, vay thêm của bà T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Tổng số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) vay được của bà T, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi cho H mượn xe mô tô, không thấy H mang xe về trả như đã hứa, anh T nhiều lần gọi điện thoại cho H để yêu cầu H trả xe mô tô nhưng đều không liên lạc được nên ngày 05/12/2019, anh T có đơn trình báo gửi đến Công an huyện Việt Yên.

Ngày 17/01/2020, khi biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 210.83 H để lại là do H phạm tội mà có, bà Giáp Thị T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên chiếc xe mô tô này.

Tại Kết luận định giá số 05/HĐĐG ngày 18/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên đã kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh- đen- bạc, biển kiểm soát 98E1- 210.83 có trị giá 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 21/01/2020, Cơ quan điều tra trả lại anh Trương Văn T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1 – 210.83. Đến nay, anh T không yêu cầu bồi thường dân sự; bà Giáp Thị T yêu cầu H trả lại bà số tiền 4.000.000 đồng bà đã cho H vay.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 08 giờ ngày 21/12/2019, khi đang đứng ở khu vực cổng Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (thuộc thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang), H nhìn thấy anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1998, trú tại thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (là bạn H) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh- bạc, biển kiểm soát 98K1- 146.91 đang đi đến. H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 146.91 của anh T mang đi tiêu thụ lấy tiền nên H vừa gọi, vừa dùng tay vẫy anh T dừng lại. Khi anh T điều khiển xe mô tô đến chỗ H đang đứng và dừng lại thì H hỏi mượn anh T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 146.91 và nói dối anh T là để H đi đón bạn. Tin tưởng H nói thật nên anh T đã giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 146.91 cho H mượn. Sau khi được anh T giao xe cho mượn, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 146.91 đi thẳng đến cửa hàng kinh doanh cầm đồ của anh Nguyễn Văn H- sinh năm 1993 ở xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô này cho anh H lấy số tiền 5.000.000 đồng. Khi anh H hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì H nói dối anh H chiếc xe này là của H, giấy tờ xe do mẹ H đang quản lý nên anh H đồng ý cho H vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Khoảng 10 ngày sau, H tiếp tục đến gặp anh H, vay thêm anh H số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Tổng số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) cầm cố chiếc xe mô tô chiếm đoạt của anh T có được, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi giao xe mô tô cho H mượn, đợi mãi không thấy H mang xe quay lại trả, anh T nhiều lần gọi điện thoại cho H để yêu cầu H trả xe nhưng không liên lạc được. Anh T đến nhà H để đòi xe thì được gia đình H cho biết H đã bỏ nhà đi được khoảng một tháng và không biết H đi đâu, làm gì. Ngày 04/01/2020, anh T có đơn trình báo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên. Ngày 15/01/2020, H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/HĐĐG ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên đã kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh- bạc, biển kiểm soát 98K1- 146.91 có giá trị 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 39/CT- VKSVY ngày 19/3/2020 của VKSND huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo Hoàng Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 - BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nh- cáo trạng của VKS đã truy tố. Nay bị cáo thấy đ- ợc tội lỗi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất của vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H

phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 – BLHS.

Xử phạt: Hoàng Văn H từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2020.

Không áp dụng khoản 5 Điều 174 BLHS để phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 – BLHS, các Điều 584, 585 – Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải bồi thường cho bà Giáp Thị T số tiền 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*); bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng*).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo ở tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 30/11/2019 đến ngày 21/12/2019, Hoàng Văn H đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trương Văn T và anh Nguyễn Văn T với tổng trị giá tài sản là 42.500.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Bản cáo trạng số 39/CT-VKSVY ngày 19/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 - BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thấy: Trong vụ án này chỉ có một mình bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải có mức hình phạt tù

t-ơng xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự với tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, tại Cơ quan điều tra cũng nh- tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 – BLHS. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 – BLTTHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng khoản 5 Điều 174- BLHS để phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án: Sau khi vụ án được làm rõ, ngày 21/01/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Trương Văn T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1 – 210.83 và trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 146.91 cho anh Nguyễn Văn T. Nay anh T và anh T không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng anh đã cho H vay. Bà Giáp Thị T yêu cầu bị cáo H trả lại bà số tiền 4.000.000 đồng bà đã cho bị cáo H vay. Xét yêu cầu đòi bồi thường của anh H và bà T là có căn cứ và buộc bị cáo phải bồi thường là phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

(1) Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 – Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 27 (hai bảy) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2020.

(2) Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 – BLHS; các Điều 584, 585 – Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải bồi thường cho bà Giáp Thị T số tiền 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*); bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(3) Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 – BLTTHS; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc Hoàng Văn H phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí HSST và 550.000đồng (*Năm trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí DSST.

(4) Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333, 334 - BLTTHS.

Báo cho bị cáo có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người LQ.
- L- u.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Vũ Văn Hợp**